

Số: 32C6 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 20 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia
Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2005;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 219/TTr-SKH-KGVX ngày 06/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các TV BCĐ CTMTQG tỉnh;
- CVP, các PVP, CV;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020**

*(Ban hành theo Quyết định số: 3266 /QĐ-UBND, ngày 28/11/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

**Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 của tỉnh. Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020. Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020.
3. Việc phân bổ vốn phải theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020.
4. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các huyện, thành phố, ưu tiên hỗ trợ các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017-2020, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Căn cứ tính điểm: Quy mô dân số, số hộ dân tộc thiểu số, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số, số hộ nghèo, quy mô hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo của huyện. xã để tính điểm căn cứ vào số liệu công bố của UBND tỉnh về phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Diện tích đất tự nhiên, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính điểm căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2016 do Cục Thống kê tỉnh công bố.

Chương II: NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Xác định điểm của từng tiêu chí theo từng Dự án:

1. Dự án 1. Chương trình 30a:

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo (huyện Đakrông):

* Định mức phân bổ:

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo Đakrông theo Nghị quyết 30a:

$$A_0 = A - A_1 - A_2$$

Trong đó:

A: Tổng vốn đầu tư phát triển bố trí cho Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững.

A₁: Tổng vốn đầu tư CSHT các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo

A₂: Tổng vốn đầu tư đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo:

* Định mức phân bổ:

- Đối với vốn đầu tư phát triển: 01 tỷ đồng/ xã, huyện đảo Côn Cò/ năm.

Tổng vốn đầu tư CSHT các xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo là:

$$A_1 = n * 1 \text{ tỷ đồng/xã}$$

(n là tổng số xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo)

Theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 – 2020, tỉnh Quảng Trị có 12 xã và huyện đảo Cồn Cỏ.

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (kinh phí sự nghiệp):

* Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban Dân tộc và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương

* Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã ĐBKK vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

Định mức phân bổ cho mỗi xã là 0,3 tỷ đồng/xã/năm.

d) Tiểu dự án 4. Hỗ trợ cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (kinh phí sự nghiệp):

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Dự án 2. Chương trình 135.

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn:

* Các tiêu chí cụ thể:

+ Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn (H1).

Tiêu chí	Điểm
1. Xã có dưới 7 thôn, bản đặc biệt khó khăn	5
2. Xã có từ 7 đến 10 thôn, bản đặc biệt khó khăn	6
3. Xã có từ 11 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở lên	7

Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135.

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo (H2): So với tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh

Tiêu chí	Điểm
1. Xã có tỷ lệ hộ nghèo thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh	0
2. Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 1,0 lần đến 1,5 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,02
3. Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5 lần đến 2,0 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,03
4. Xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 2,0 lần tỷ lệ chung của cả tỉnh	0,04

Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và UBND các huyện liên quan cung cấp kết quả rà soát hộ nghèo hàng năm làm căn cứ tính tỷ lệ phân bổ.

+ Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (H3)

Tiêu chí	Điểm
1. Xã có dưới 70% hộ dân tộc thiểu số tính	0,03
2. Xã có từ 70% - 90% hộ dân tộc thiểu số tính	0,04
3. Xã có trên 90% hộ dân tộc thiểu số tính	0,05

Ban Dân tộc tỉnh và UBND các huyện liên quan cung cấp số liệu về hộ dân tộc thiểu số làm căn cứ tính tỷ lệ phân bổ.

* Xác định vốn được phân bổ:

- Đối với vốn đầu tư phát triển xã ĐBKK: Tổng vốn đầu tư cho một xã đặc biệt khó khăn được tính theo công thức:

$$A_i = M_o * Y_i / N$$

- Đối với thôn ĐBKK thuộc xã Khu vực II được xã định theo công thức:

$$B = M / n' / 5$$

- Tổng vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn: $A_2 = \sum A_i + M_1$

Trong đó:

+ n' là số xã ĐBKK thuộc chương trình 135 của tỉnh.

+ Y_i là tổng điểm các nội dung của xã (i):

$$Y_i = H1_i * (1 + H2_i + H3_i)$$

+ N là tổng điểm của tất cả xã ĐBKK:

$$N = Y_1 + Y_2 + \dots + Y_n$$

+ M_o là tổng vốn đầu tư phát triển cho các xã ĐBKK:

$$M_o = M - M_1$$

+ M là tổng vốn đầu tư phát triển cho Chương trình 135 (do Trung ương phân bổ).

+ M_1 là tổng vốn đầu tư phát triển cho các thôn ĐBKK thuộc xã Khu vực II:

$$M_1 = B * m$$

+ m là số thôn ĐBKK thuộc xã Khu vực II

Mức hỗ trợ tối đa cho các xã khu vực II có các thôn, bản ĐBKK xác định theo công thức sau:

$$A' = B * 4$$

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng xã: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của xã đó.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn:

Áp dụng theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 (Chương trình 135).

* Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban Dân tộc và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Tiểu dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn:

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

- Các tiêu chí:

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 15%	0,5
- Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 15% đến dưới 25%	0,55
- Xã có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên	0,6

2. Quy mô hộ nghèo	
- Xã có quy mô hộ nghèo dưới 100 hộ	0,5
- Xã có quy mô hộ nghèo từ 100 hộ đến dưới 200 hộ	0,6
- Xã có quy mô hộ nghèo từ 200 hộ trở lên	0,7

- Định mức phân bổ: Tổng vốn bố trí cho một xã = A x X

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho một điểm (Bảng tổng vốn trung ương giao chia cho tổng số điểm hệ số của các xã).

X: Tổng các hệ số theo 02 tiêu chí của xã (hệ số theo tỷ lệ hộ nghèo + hệ số theo quy mô hộ nghèo).

b) Hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

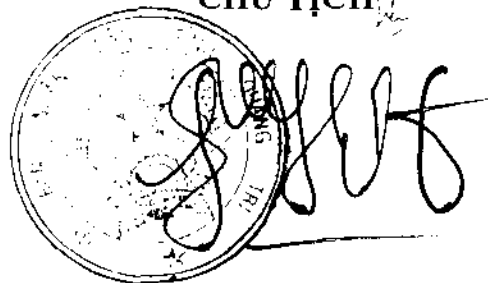
4. Dự án 4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (kinh phí sự nghiệp):

Bao gồm kinh phí chi cho hoạt động truyền thông về giảm nghèo; hoạt động giảm nghèo về thông tin: Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Thông tin và Truyền thông và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Dự án 5. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình:

Căn cứ nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các huyện tham mưu UBND tỉnh cân đối để phân bổ cho phù hợp điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương. / *lc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Chính